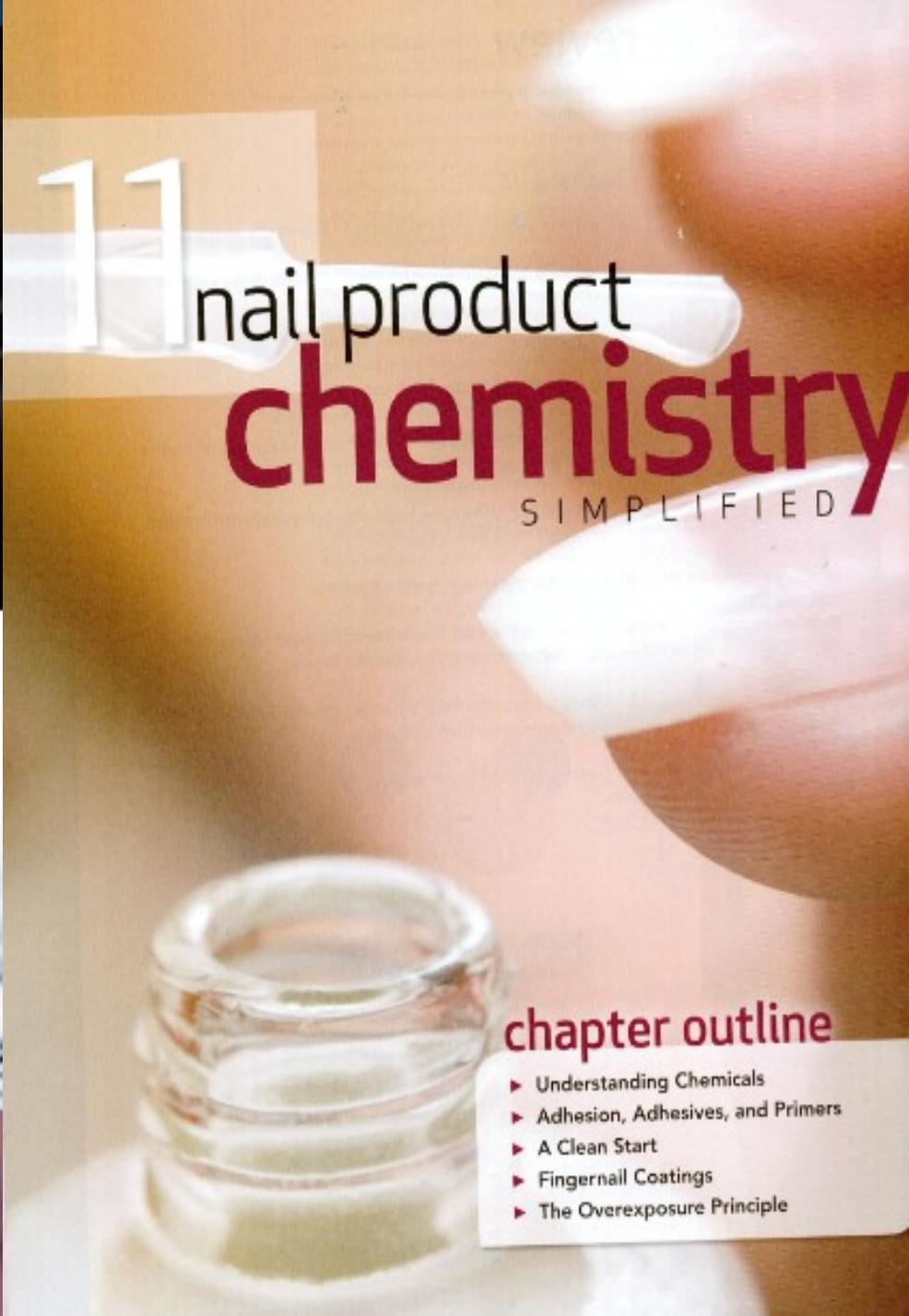
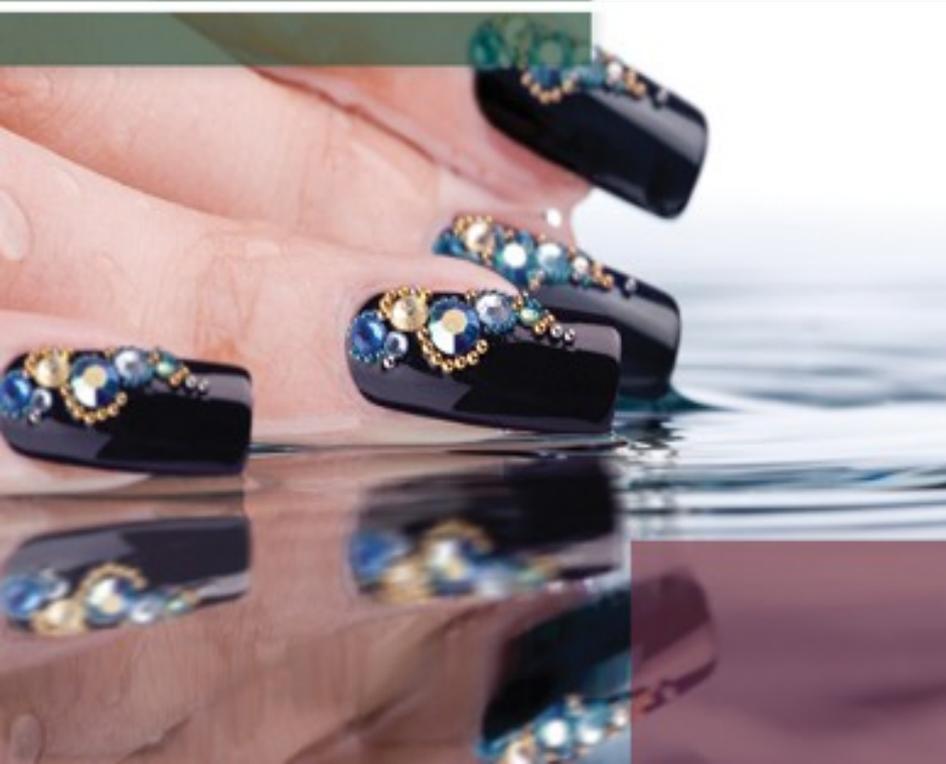




MILADY'S
STANDARD
NAIL
TECHNOLOGY



11 nail product
chemistry
SIMPLIFIED



chapter outline

- ▶ Understanding Chemicals
- ▶ Adhesion, Adhesives, and Primers
- ▶ A Clean Start
- ▶ Fingernail Coatings
- ▶ The Overexposure Principle



Q.1

- Most chemicals are
- Hầu hết hóa chất thì

completely safe

hoàn toàn an toàn



Q.2

- Everything you can see or touch, except _____, is a chemical
- Mọi vật bạn có thể thấy hay tiếp xúc là hóa chất, ngoại trừ_____.

light and electricity

ánh sáng và điện



Q.3

- A certain understanding of _____ is important to your career as a nail professional
- Điều quan trọng cho bạn là 1 thợ làm móng chuyên nghiệp là hiểu biết về

chemistry and chemicals

hóa học và hóa chất



Q.4

- A substance obtained by a chemical process or producing a chemical effect
- Chất đạt được từ quy trình hóa học hay chất tạo ra ảnh hưởng hóa học

chemical

hóa chất



Q.5

- Change from liquid to vapor form
- Thay đổi từ chất lỏng thành dạng bốc hơi

evaporate

bốc hơi



Q.6

- What is formed when liquids evaporate into the air
- Điều gì được tạo ra khi chất lỏng bốc hơi

vapor

bốc hơi



Q.7

- The force of nature that makes two surfaces stick together is called
- Lực (của) thiên nhiên mà làm hai bề mặt kết dính với nhau.

adhesion

kết dính



Q.8

- The purpose of a primer is
- Mục tiêu của chất sơn lót là

to improve adhesion

làm tăng sự kết dính



Q.9

- An adhesive is a chemical that causes
- Chất keo dính là hóa chất tạo nên

two surfaces to stick together

2 bề mặt dính vào nhau



Q.10

- A substance that can cause visible and possibly permanent skin damages is called
- Chất có thể làm da hư rỗ rết và vĩnh viễn

corrosive

chất ăn mòn



Q.11

- An example of a corrosive nail product is
- Thí dụ của chất làm móng có tính ăn mòn

primer

chất sơn lót



Q.12

- The basic types of primers used for nail enhancements are acid-based, acid-free, and
- 3 loại chất sơn lót cho móng cao cấp là axit căn bản, không axit, và

non-acid

không chứa axit



Q.13

- A substance capable of seriously damaging skin, eyes, or other soft tissues on contact.
- Chất có thể làm hư da, mắt, hay các mô mềm khác khi tiếp xúc

corrosive

chất ăn mòn



Q.14

- If nail primer touches the skin it can cause:
- Nếu chất kết dính móng chạm vào da gây ra

sensitivity nhạy cảm
painful burns phỏng



Q.15

- Acid-free primers have a ____ pH.
- Chất kết dính không acid có độ pH

neutral

trung hòa



Q.16

- It is better to only dehydrate one hand at a time because oil and moisture return to the nail within
- Tốt hơn chỉ làm khô 1 bàn tay 1 lúc vì dầu và độ ẩm trở lại trên móng trong vòng

30 minutes

30 phút



Q.17

- One way to avoid nail infections and product lifting is to
- 1 cách để tránh móng bị nhiễm trùng và sản phẩm bị tróc hở là

scrub the nail plate

kỳ cọ đĩa móng



Q.18

- Clean, dry nails are the foundation for
- Móng khô, sạch là nền tảng cho

good adhesion

tính kết dính tốt



Q.19

- One of the major causes of enhancement service breakdown is
- Nguyên nhân chính gây hỏng dịch vụ đắp móng

overfiling the nail plate

giũa quá nhiều trên đĩa móng



Q.20

- The risk of fingernail infections be minimized by
- Hiểm họa làm móng bị nhiễm trùng được giảm thiểu bởi

wash hands rửa tay

scrub the nail plate chà rửa phiến móng

remove surface oils and contaminants tẩy chất
dầu trên bề mặt móng và chất bẩn



Q.21

- What should you use to remove surface shine from the nail?
- Bạn dùng gì để tẩy độ bóng ở bề mặt móng

a medium/fine 240 grit abrasive

giũa 240 độ nhám



Q.22

- The first step to prep the nails should be
- Bước đầu tiên để chuẩn bị móng là

wash and scrub hands and nails

chà rửa bàn tay và móng tay



Q.23

- What can interfere with product adhesion?
- Điều trở ngại để sản phẩm không bám dính?

surface oils and contaminants

dầu trên bề mặt và các chất nhiễm bẩn



Q.24

- Before you apply any nail product to the nail plate, it should be
- Trước khi áp dụng bất cứ sản phẩm làm móng lên phiến móng phải

clean and dry

sạch và khô



Q.25

- Which of the following is recommended to improve adhesion?
- Điều nào sau đây được đề nghị để có độ kết dính tốt?

use of a medium/fine abrasive

dùng giữa có độ nhám trung bình/mịn



Q.26

- **Types of nail coatings**
- Các loại lớp phủ móng

coatings that cure or polymerize lớp phủ được lưu hóa

coatings that harden upon evaporation các lớp phủ được hóa cứng do sự bốc hơi



Q.27

- What is an example of a nail coating?
- Thí dụ của lớp phủ móng

nail polish chất sơn móng

UV gel keo UV

nail wrap resins keo dán móng bọc



Q.28

- Products that cover the nail plate with a hard film
- Các sản phẩm phủ đĩa móng với lớp màng cứng

coatings

các lớp phủ



Q.29

- Chemical reaction that creates polymers, also called curing or hardening
- Phản ứng hóa học tạo ra polime còn gọi là lưu hóa hay hóa cứng

polymerization

sự lưu hóa



Q.30

- Polymers are made up of
- Polime được tạo ra bởi

monomers

chất monome



Q.31

- In less than 1 second, monomers can join together
- Trong ít hơn 1 giây, các monome liên kết với nhau

1 billion

1 tỷ



Q.32

- When something cures, it:
- Khi vật gì hóa cứng nó

hardens

hóa cứng



Q.33

- Polymers are usually
- Polime thường là

solids

thể rắn



Q.34

- Polymer chains
- Chuỗi polime

can be unraveled by force gỡ ra bởi lực

are easily damaged by sharp impacts hư hại
dễ bởi vật nhọn

can be unraveled by solvents có thể gỡ ra bởi
dung môi



Q.35

- Substances that speed up chemical reactions
- Chất làm tăng nhanh phản ứng hóa học

catalysts

chất xúc tác



Q.36

- A short monomer chain that has had its chain growth halted before it became a polymer is called
- Chuỗi ngắn monome là chuỗi chậm phát triển trước khi trở thành polime

an oligomer

oligome



Q.37

- A cross-linker is a monomer that joins together different
- Liên kết ngang là chất monome liên kết các

polymer chains

chuỗi polime



Q.38

- Nail polishes, top coats, and base coats
- Màu sơn móng, sơn phủ, sơn nền

are evaporation coatings

lớp phủ bốc hơi



Q.39

- Monomer that joins together different polymer chains
- Monome liên kết các chuỗi polime khác nhau

cross-linker

chất liên kết ngang



Q.40

- **Cross-links do which of the following?**
- Liên kết ngang làm điều gì sau đây?

make the natural nail more resistant to staining
làm móng tự nhiên khó bám vết bẩn